

Số: /2026/TT-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Dự thảo lần 2

THÔNG TƯ

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực
đăng kiểm đường bộ**

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2024 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự số 118/2025QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15 ngày 18 tháng 6 năm 2025

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm đường bộ.

Chương I

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 46/2024/TT-BGTVT NGÀY 15 THÁNG 11 NĂM 2024 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI QUY ĐỊNH TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP MỚI, CẤP LẠI, TẠM ĐÌNH CHỈ HOẠT ĐỘNG, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI, CƠ SỞ KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 5

“c) Kết quả đánh giá, chứng nhận cơ sở đăng kiểm xe cơ giới phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy của tổ chức đánh giá sự phù hợp (thành phần hồ sơ này được áp dụng khi có tổ chức đánh giá sự phù hợp);”.

Điều 2. Bổ sung khoản 5 Điều 9

“5. Kết quả đánh giá, chứng nhận cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy của tổ chức đánh giá sự phù hợp (thành phần hồ sơ này được áp dụng khi có tổ chức đánh giá sự phù hợp).”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 10

“a) Kiểm tra, đánh giá cơ sở kiểm định khí thải phù hợp với yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy để ghi nhận vào biên bản theo mẫu số 02 quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này. Khi có tổ chức đánh giá sự phù hợp, việc kiểm tra, đánh giá tại điểm này được thay thế bằng kết quả đánh giá, chứng nhận cơ sở kiểm định khí thải phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy của tổ chức đánh giá sự phù hợp;”.

Điều 4. Bổ sung điểm e khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 11

1. Bổ sung điểm e khoản 1 như sau:

“e) Kết quả đánh giá, chứng nhận cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy của tổ chức đánh giá sự phù hợp (thành phần hồ sơ này được áp dụng khi có tổ chức đánh giá sự phù hợp).”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau:

“d) Hồ sơ cấp lại do cơ sở kiểm định khí thải thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng thiết bị kiểm tra; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy: các tài liệu quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm e khoản 1 Điều này.”.

Điều 5. Bổ sung khoản 3 Điều 16

“3. Công bố trên Trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng danh sách các cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải được cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới, giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy thuộc phạm vi quản lý của địa phương.”.

Điều 6. Thay thế cụm từ “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy” bằng cụm từ “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy”.

Điều 7. Thay thế Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục IV, Phụ lục V, Phụ lục VI, Phụ lục VII, Phụ lục VIII, Phụ lục IX, Phụ lục X, Phụ lục XI, Phụ lục XII tương ứng bằng các Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV, Phụ lục V, Phụ lục

VI, Phụ lục VII, Phụ lục VIII, Phụ lục IX, Phụ lục X, Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương II

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 53/2024/TT-BGTVT NGÀY 15 THÁNG 11 NĂM 2024 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI QUY ĐỊNH VỀ PHÂN LOẠI PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ DẤU HIỆU NHẬN BIẾT XE CƠ GIỚI SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG SẠCH, NĂNG LƯỢNG XANH, THÂN THIỆN MÔI TRƯỜNG

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung Điều 3

“Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hệ thống truyền động điện (Electric powertrain) là hệ thống bao gồm một hoặc nhiều: thiết bị tích trữ điện năng (ắc quy, pin, bánh đà điện cơ hoặc siêu tụ); thiết bị ổn định điện năng; thiết bị điện được sử dụng để chuyển đổi điện năng tích trữ thành cơ năng truyền tới các bánh xe làm nguồn động lực cho xe chuyển động.

2. Xe điện dùng pin nhiên liệu thuần túy (PFCEV - Pure fuel cell electric vehicle hoặc FCEV - Fuel cell electric vehicle) là xe cơ giới điện sử dụng pin nhiên liệu thuần túy, trong đó hệ thống pin nhiên liệu là nguồn năng lượng duy nhất trên xe cho hệ thống động lực của xe.

3. Hệ thống truyền động hybrid điện (Hybrid electric powertrain) là hệ truyền động tiêu thụ năng lượng từ cả hai nguồn năng lượng được tích trữ trên xe, gồm nhiên liệu và thiết bị tích trữ điện năng.

4. Xe hybrid điện nhẹ (MHEV - Mild hybrid electric vehicle, Micro hybrid electric vehicle) là xe cơ giới được dẫn động bằng hệ thống truyền động hybrid điện. Xe không có khả năng di chuyển chỉ bằng năng lượng điện trong bất kỳ điều kiện vận hành nào; mô-tơ điện chỉ có chức năng hỗ trợ động cơ đốt trong khởi động, hỗ trợ tăng tốc, phanh tái tạo và cung cấp năng lượng cho các hệ thống phụ trợ. Xe không có khả năng nạp điện từ nguồn điện bên ngoài.

5. Xe hybrid điện hoàn toàn (FHEV - Full hybrid electric vehicle, còn gọi là SHEV - Strong hybrid electric vehicle) là xe cơ giới được dẫn động bằng hệ thống truyền động hybrid điện. Xe có khả năng di chuyển chỉ bằng năng lượng điện trong một số điều kiện vận hành nhất định (như khởi hành từ trạng thái đứng yên, di chuyển

với tốc độ thấp, di chuyển trong một quãng đường nhất định). Xe không có khả năng nạp điện từ nguồn điện bên ngoài. Xe hybrid điện hoàn toàn gồm các loại sau:

Xe hybrid điện song song (Parallel hybrid electric vehicle) là loại xe trong đó động cơ đốt trong và động cơ điện cùng được nối cơ khí với hệ truyền động và có thể đồng thời hoặc riêng rẽ truyền công suất trực tiếp tới bánh xe.

Xe hybrid điện nối tiếp (Series hybrid electric vehicle) là loại xe trong đó động cơ điện là nguồn duy nhất dẫn động bánh xe. Động cơ đốt trong chỉ đóng vai trò phát điện phục vụ động cơ điện.

Xe hybrid điện hỗn hợp (Series-parallel hybrid electric vehicle) là loại xe trong đó động cơ đốt trong vừa có thể dẫn động bánh xe, vừa có thể phát điện, kết hợp với động cơ điện để truyền động.

6. Xe hybrid nạp điện ngoài (PHEV - Plug-in hybrid electric vehicle) là xe hybrid điện có khả năng nạp điện được từ nguồn điện bên ngoài (off-vehicle).

7. Xe điện mở rộng phạm vi hoạt động (REEV - Range-extended electric vehicle hoặc EREV - Extended-range electric vehicle) là xe có gắn động cơ chạy bằng pin, động cơ điện là nguồn động lực duy nhất dẫn động bánh xe, có nạp điện từ nguồn điện bên ngoài, có máy phát điện để sạc pin và phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Là loại xe được phát triển từ xe thuần điện;
- b) Phạm vi hoạt động chỉ sử dụng thuần điện (All-electric range – AER) không nhỏ hơn 250 km (theo chu trình NEDC);
- c) Động cơ dẫn động máy phát điện không thể được kích hoạt thủ công bởi người lái khi dung lượng pin (SOC) đang ở trên mức giới hạn cho phép vận hành thuần điện, ngoại trừ các chế độ đặc biệt phục vụ bảo dưỡng hoặc an toàn do nhà sản xuất quy định.

8. Xe thuần điện (PEV - Pure electric vehicle hoặc BEV - Battery electric vehicle) là xe cơ giới sử dụng hệ thống truyền động điện và không có bất kỳ bộ chuyển đổi năng lượng từ nhiên liệu để tạo công suất dẫn động.”.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 5

“3. Máy kéo được phân loại theo quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này.”.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung Điều 7

“Điều 7. Phương tiện giao thông thông thường

Phương tiện giao thông thông thường là phương tiện giao thông đường bộ mà người lái trực tiếp điều khiển phương tiện, bao gồm cả trường hợp được hỗ trợ bởi các hệ thống an toàn chủ động trên phương tiện hoặc được hỗ trợ bởi hệ thống tự động hóa một phần hoạt động điều khiển phương tiện (mức độ tự động hóa của phương tiện được phân loại theo cấp độ 0, 1, 2, 3 quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe ô tô).”.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung Điều 8

“Điều 8. Phương tiện giao thông thông minh

Phương tiện giao thông thông minh là phương tiện giao thông đường bộ mà toàn bộ việc điều khiển, duy trì hoạt động của phương tiện không cần có sự điều khiển trực tiếp của người lái trên phương tiện đó (mức độ tự động hóa của phương tiện được phân loại theo cấp độ 4, 5 quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe ô tô).”.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung tiêu đề Chương IV

“Chương IV

PHÂN LOẠI XE CƠ GIỚI THEO NĂNG LƯỢNG SỬ DỤNG”.

Điều 13. Bãi bỏ Điều 10

Điều 14. Bổ sung Phụ lục XII tương ứng bằng Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương III

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 54/2024/TT-BGTVT NGÀY 15 THÁNG 11 NĂM 2024 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI QUY ĐỊNH VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI, XE MÁY CHUYÊN DÙNG, PHỤ TÙNG XE CƠ GIỚI TRONG NHẬP KHẨU

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung khoản 24 Điều 3

“24. *Cơ quan có thẩm quyền chứng nhận* (sau đây gọi là cơ quan chứng nhận) là tổ chức kinh doanh dịch vụ chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý, được thành lập theo quy định của pháp luật và được Cục Đăng kiểm Việt Nam công nhận, chỉ định để thực hiện việc: kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe, phụ tùng; đánh giá việc đảm bảo chất lượng của nhà sản xuất xe, phụ tùng.”.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c, điểm r, điểm x, điểm y khoản 5

Điều 4

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 4 như sau:

“b) Cấp thông báo không đạt đối với một trong các trường hợp sau:

Xe không có nhãn hiệu.

Xe không có số khung (trừ trường hợp xe cơ giới được thiết kế không có số khung, chỉ có số VIN; xe máy chuyên dùng không có số khung, chỉ có số PIN hoặc số seri); xe có một phần hoặc toàn bộ số khung không xác định được; xe cơ giới có số khung được đóng trên tấm kim loại hoặc vật liệu khác và gắn vào khung xe bằng các phương pháp hàn, đinh tán, keo dán.

Xe cơ giới có số khung hoặc số VIN (trong trường hợp xe cơ giới không có số khung) trùng với số khung hoặc số VIN của xe cơ giới đã được nhập khẩu trước đó, xe máy chuyên dùng có số khung (hoặc số PIN hoặc số seri trong trường hợp xe máy chuyên dùng không có số khung) trùng với số khung (hoặc số PIN hoặc số seri) của xe máy chuyên dùng cùng nhãn hiệu và cùng loại phương tiện đã được nhập khẩu trước đó; trừ trường hợp bị trùng số khung nhưng xe nhập khẩu chính là xe đã được tái xuất khẩu hợp pháp ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 5 Điều 4 như sau:

“c. Đối với loại xe điện mở rộng phạm vi hoạt động (REEV, EREV), phương pháp thử khí thải, tiêu thụ năng lượng được áp dụng theo phương pháp thử của xe hybrid nạp điện ngoài (PHEV).”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm r khoản 5 Điều 4 như sau:

“r) Trường hợp xe máy chuyên dùng có kích thước lớn, phải tháo rời để phù hợp cho việc vận chuyển về Việt Nam hoặc trường hợp xe điện phải tháo rời pin theo yêu cầu về an toàn vận chuyển thì người nhập khẩu phải lắp ráp hoàn chỉnh xe và xuất trình xe để kiểm tra trong vòng 15 ngày kể từ ngày được đưa xe về bảo quản. Trừ trường hợp bất khả kháng, quá thời hạn nêu trên, nếu người nhập khẩu không xuất trình hoặc xuất trình xe chưa được lắp ráp hoàn chỉnh, cơ quan chứng nhận cấp thông báo không đạt cho chiếc xe nêu trên. Trường hợp các bộ phận tháo rời được vận chuyển bằng các chuyến hàng khác nhau thì người nhập khẩu phải xuất trình các tài liệu thể hiện xe được mua nguyên chiếc và việc tháo rời chỉ nhằm mục đích vận chuyển về Việt Nam; thời hạn phải xuất trình xe để kiểm tra là trong vòng 15 ngày kể từ ngày chuyển hàng cuối cùng được đưa về bảo quản.”.

4. Bổ sung điểm x khoản 5 Điều 4 như sau:

“x) Đối với xe nhập khẩu được sản xuất tại cơ sở sản xuất nước ngoài đã được cấp thông báo kết quả đánh giá COP đạt yêu cầu: nếu người nhập khẩu có nhu cầu làm thủ tục đăng ký tạm thời để di chuyển xe từ cửa khẩu về địa điểm bảo quản của người nhập khẩu thì cơ quan chứng nhận cấp Thông báo miễn kiểm tra chất lượng

an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tạm thời (có thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày cấp) theo mẫu quy định tại Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư này. Sau khi đưa xe về địa điểm bảo quản, người nhập khẩu phải làm thủ tục kiểm tra, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định tại Thông tư này.”.

5. Bổ sung điểm y khoản 5 Điều 4 như sau:

“y) Đối với xe nhập khẩu để tham gia giao thông đường bộ nhưng không thuộc danh mục quy định tại Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 71/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, hàng không dân dụng và thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng thì thực hiện trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của Thông tư này.”.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung điểm m khoản 1 và điểm g khoản 2 Điều 5

1. Sửa đổi, bổ sung điểm m khoản 1 Điều 5 như sau:

“m) Bản sao giấy Chứng nhận đăng ký lưu hành hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương còn hiệu lực không quá 12 tháng trước thời điểm xuất khẩu được cấp bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài;”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 2 Điều 5 như sau:

“g) Các tài liệu quy định tại các điểm d, đ, e của khoản 1 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau: xe ô tô thuộc đối tượng nêu tại điểm b khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP và khoản 1 Điều 1 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; rơ moóc; sơ mi rơ moóc; xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe mô tô; xe gắn máy; xe máy chuyên dùng; ô tô sắt xi chỉ sử dụng để lắp ráp thành ô tô tải tự đổ hoạt động trên đường chuyên dùng, không tham gia giao thông trên đường giao thông công cộng (bao gồm cả xe ô tô sắt xi có các thông số kỹ thuật, kết cấu hoàn toàn phù hợp để sản xuất, lắp ráp xe hoàn chỉnh tham gia giao thông trên đường giao thông công cộng);”.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 Điều 10

“e) Báo cáo thử nghiệm phụ tùng cấp cho chính người nhập khẩu. Riêng trường hợp doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô trong nước thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP thì được sử dụng báo cáo thử nghiệm cấp cho Đại diện hợp pháp tại Việt Nam của doanh nghiệp sản xuất nước ngoài.”.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 11

“b) Hiệu lực của thông báo kết quả đánh giá COP đạt yêu cầu đối với trường

hợp miễn đánh giá COP định kỳ quy định tại khoản 3 Điều này được căn cứ theo ngày hiệu lực của Tài liệu ECE. Khi Tài liệu ECE hết hiệu lực thì người nhập khẩu phải bổ sung Tài liệu ECE mới phù hợp với quy định và còn hiệu lực. Trường hợp chưa cung cấp được Tài liệu ECE thì người nhập khẩu cung cấp báo cáo kết quả đánh giá COP và trong vòng 90 ngày người nhập khẩu phải bổ sung Tài liệu ECE phù hợp với quy định và còn hiệu lực.”.

Điều 20. sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 Điều 13

“c) Sau 24 ngày làm việc, kể từ ngày phát hành văn bản nêu tại điểm b khoản này, nếu không nhận được phản hồi từ các cơ quan nêu tại điểm b khoản này, cơ quan chứng nhận sẽ cấp bản sao (của bản giấy hoặc bản điện tử) Chứng chỉ chất lượng; trường hợp không cấp lại, cơ quan chứng nhận có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”.

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung tiêu đề Chương IV “QUY ĐỊNH VỀ TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG XE CƠ GIỚI”

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung Điều 15

“Điều 15. Quy định về tiêu thụ năng lượng xe cơ giới

1. Người nhập khẩu phải công khai mức tiêu thụ năng lượng của xe cơ giới. Việc công khai mức tiêu thụ năng lượng phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Phù hợp với các thông tin, mức tiêu thụ năng lượng của kiểu loại xe đã được chứng nhận;

b) Đăng tải thông tin về mức tiêu thụ năng lượng của kiểu loại xe trên trang thông tin điện tử của người nhập khẩu, cơ sở kinh doanh xe (nếu có). Thông tin công khai phải được duy trì trong suốt thời gian người nhập khẩu, cơ sở kinh doanh xe cung cấp kiểu loại xe ra thị trường.

2. Trường hợp kiểu loại xe đáp ứng được điều kiện mở rộng việc thừa nhận kết quả thử nghiệm khí thải quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với kiểu loại xe đã thực hiện thử nghiệm khí thải, mức tiêu thụ năng lượng, người nhập khẩu được phép sử dụng báo cáo kết quả thử nghiệm mức tiêu thụ năng lượng được cấp cho xe cùng kiểu loại nêu trên để làm thủ tục chứng nhận mà không phải thử nghiệm lại mức tiêu thụ năng lượng.”.

Điều 23. Thay thế cụm từ “cơ quan chứng nhận” bằng cụm từ “Cục Đăng kiểm Việt Nam” tại Điều 17.

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Điều 18

“Điều 18. Cách thức thực hiện việc triệu hồi

1. Đối với người nhập khẩu

Trường hợp hàng hóa đã đưa ra thị trường có lỗi kỹ thuật phải triệu hồi, người nhập khẩu phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo triệu hồi từ nhà sản xuất hoặc từ Cục Đăng kiểm Việt Nam, người nhập khẩu phải thông báo bằng văn bản tới các đại lý bán hàng yêu cầu không bán ra thị trường hàng hóa thuộc diện triệu hồi mà chưa được khắc phục;

b) Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo triệu hồi từ nhà sản xuất hoặc từ Cục Đăng kiểm Việt Nam, người nhập khẩu phải gửi tới Cục Đăng kiểm Việt Nam báo cáo bằng văn bản các nội dung sau: nguyên nhân xảy ra lỗi kỹ thuật, biện pháp khắc phục, số lượng hàng hóa phải triệu hồi, kế hoạch triệu hồi phù hợp;

c) Chủ động thực hiện việc triệu hồi và tuân thủ theo đúng kế hoạch triệu hồi, đồng thời người nhập khẩu phải công bố thông tin về kế hoạch triệu hồi và danh sách hàng hóa phải triệu hồi trên Trang thông tin điện tử của người nhập khẩu, các đại lý bán hàng kịp thời, đầy đủ.

2. Đối với cơ quan chứng nhận

Trường hợp hàng hóa thuộc diện triệu hồi mà chưa được cơ quan chứng nhận cấp Chứng chỉ chất lượng, cơ quan chứng nhận thông báo tới cơ quan hải quan nơi mở tờ khai hàng hóa nhập khẩu để cho phép người nhập khẩu tạm giải phóng hàng để thực hiện việc khắc phục hàng hóa thuộc diện triệu hồi. Sau khi người nhập khẩu cung cấp danh sách hàng hóa đã được khắc phục lỗi theo quy định của nhà sản xuất, cơ quan chứng nhận thực hiện thủ tục chứng nhận theo quy định.

3. Đối với Cục Đăng kiểm Việt Nam

a) Thông báo bằng văn bản cho người nhập khẩu về việc tiếp nhận kế hoạch triệu hồi và các yêu cầu bổ sung đối với chương trình triệu hồi (nếu có);

b) Yêu cầu người nhập khẩu phải thực hiện việc triệu hồi;

c) Thông tin về hàng hóa bị triệu hồi trên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam;

d) Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện triệu hồi của người nhập khẩu theo kế hoạch;

đ) Tạm dừng các thủ tục chứng nhận chất lượng đối với người nhập khẩu không thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều này;

e) Xem xét việc thông báo tới cơ quan chứng nhận để dừng thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với hàng hóa của cùng nhà sản xuất nếu người nhập khẩu cung cấp được bằng chứng nhà sản xuất đó không phối hợp để thực hiện kế hoạch triệu hồi.”.

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 19

“10. Dán bản chà số khung, số động cơ vào mặt sau giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe nhập khẩu, thông báo miễn kiểm tra

chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe nhập khẩu (trường hợp chỉ được cấp bản điện tử thì người nhập khẩu in bản điện tử đó lên giấy khổ A4 và đóng dấu treo vào mặt trước của bản in). Đóng dấu giáp lai giữa bản chà và giấy chứng nhận hoặc thông báo miễn đó để phục vụ công tác đăng ký xe trực tuyến toàn trình theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.”

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Điều 20

“Điều 20. Trách nhiệm của cơ quan chứng nhận

1. Phát hành, quản lý Chứng chỉ chất lượng và chịu trách nhiệm về kết quả chứng nhận.

2. Phối hợp với Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện kiểm tra đột xuất lô hàng hóa nhập khẩu khi phát hiện hoặc có khiếu nại, tố cáo về chất lượng hàng hóa nhập khẩu.

3. Thông báo tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý vi phạm khi phát hiện người nhập khẩu, kinh doanh xe vi phạm quy định của pháp luật.

4. Phối hợp với người nhập khẩu, Cục Đăng kiểm Việt Nam, cơ quan quản lý Công thông tin một cửa quốc gia, Công thông tin điện tử của Bộ Xây dựng để xử lý sự cố giao dịch điện tử theo quy định.

5. Lưu trữ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

6. Tổng hợp kết quả chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với hàng hóa nhập khẩu để báo cáo cơ quan có thẩm quyền.”.

Điều 27. Bổ sung Điều 20a

“Điều 20a. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam

1. Xây dựng, quản lý, vận hành phần mềm trực tuyến để quản lý việc chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu và chia sẻ dữ liệu với các cơ quan quản lý có liên quan khi có yêu cầu.

2. Thực hiện kiểm tra đột xuất lô hàng hóa nhập khẩu khi phát hiện hoặc có khiếu nại, tố cáo về chất lượng hàng hóa nhập khẩu.

3. Công bố danh sách xe phải triệu hồi và nội dung triệu hồi lên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

4. Phối hợp với người nhập khẩu, cơ quan chứng nhận và cơ quan quản lý Công thông tin một cửa quốc gia, Công thông tin điện tử của Bộ Xây dựng để xử lý sự cố giao dịch điện tử theo quy định.

5. Công nhận, chỉ định và công khai danh sách các cơ sở thử nghiệm, cơ quan chứng nhận lên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

6. Kiểm tra định kỳ, đột xuất đối với các cơ sở thử nghiệm, cơ quan chứng nhận.

7. Căn cứ kết quả cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu, cấp Giấy chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy theo mẫu quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.”.

Điều 28. Bãi bỏ Điều 16, khoản 9 Điều 19.

Điều 29. Thay thế Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục VI, Phụ lục XV, Phụ lục XIX, Phụ lục XX tương ứng bằng các Phụ lục XIII, Phụ lục XIV, Phụ lục XV, Phụ lục XVI, Phụ lục XVII, Phụ lục XVIII ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương IV

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 55/2024/TT-BGTVT NGÀY 15 THÁNG 11 NĂM 2024 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI QUY ĐỊNH VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA XE CƠ GIỚI, XE MÁY CHUYÊN DỤNG, PHỤ TÙNG XE CƠ GIỚI TRONG SẢN XUẤT, LẮP RÁP

Điều 30. Sửa đổi, bổ sung khoản 15 Điều 3

“*Cơ quan có thẩm quyền chứng nhận* (sau đây gọi tắt là Cơ quan chứng nhận) là tổ chức kinh doanh dịch vụ chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý, được thành lập theo quy định của pháp luật và được Cục Đăng kiểm Việt Nam công nhận, chỉ định để thực hiện việc: kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe, phụ tùng; đánh giá việc đảm bảo chất lượng của nhà sản xuất xe, phụ tùng.”.

Điều 31. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 6, khoản 11 Điều 11

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Cơ sở sản xuất phải chịu trách nhiệm về nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng các sản phẩm xuất xưởng và thực hiện ghi nhãn hàng hóa cho sản phẩm. Các sản phẩm chỉ được xuất xưởng, cấp Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng xe khi thực hiện đầy đủ các quy định về việc đảm bảo chất lượng theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này, Giấy chứng nhận của kiểu loại sản phẩm còn hiệu lực và khi phụ tùng sử dụng để sản xuất, lắp ráp xe thuộc đối tượng phải kiểm tra thử nghiệm và chứng nhận theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này đáp ứng một trong

yêu cầu sau:

- a) Giấy chứng nhận của phụ tùng còn hiệu lực;
- b) Thông báo miễn kiểm tra phụ tùng theo Nghị định 60/2023/NĐ-CP còn hiệu lực.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Cơ sở sản xuất chỉ được cấp Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng sau khi xe đã được kiểm tra chất lượng xuất xưởng đạt yêu cầu, phù hợp với hồ sơ đăng ký chứng nhận và mẫu điển hình của kiểu loại sản phẩm đã được chứng nhận. Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng là bản in từ bản điện tử và đóng dấu của cơ sở sản xuất (bản điện tử được hệ thống dịch vụ công trực tuyến tạo lập từ cơ sở dữ liệu về kết quả kiểm tra chất lượng xuất xưởng đạt yêu cầu do cơ sở sản xuất cung cấp). Trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật, cơ sở sản xuất cấp Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng bản giấy được in trên phôi Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng. Việc quản lý, sử dụng phôi Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng được quy định tại khoản 7 Điều này.”.

3. Bổ sung khoản 11 như sau:

“11. Đối với xe điện mà phải tháo rời pin (ắc quy) để đảm bảo an toàn trong quá trình lưu kho hoặc vận chuyển thì phải lắp đầy đủ pin (ắc quy) đúng kiểu loại với pin (ắc quy) đã đăng ký trong hồ sơ chứng nhận kiểu loại xe trước khi giao xe cho khách hàng.”

Điều 32. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 12

“đ) Có thông báo bằng văn bản của cơ quan kiểm tra chuyên ngành về sự sai lệch thông tin liên quan đến mức tiêu thụ năng lượng của kiểu loại xe cơ giới đã được chứng nhận với thông tin về mức tiêu thụ năng lượng trên nhãn năng lượng của kiểu loại xe cơ giới; hoặc trường hợp giá trị thử nghiệm mức tiêu thụ năng lượng của kiểu loại xe cơ giới đã được chứng nhận mức tiêu thụ năng lượng được xác định không đáp ứng yêu cầu quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.”

Điều 33. Sửa đổi, bổ sung Điều 16

“ Điều 16. Quy định về tiêu thụ năng lượng xe cơ giới

1. Cơ sở sản xuất phải thực hiện công khai mức tiêu thụ năng lượng của xe cơ giới. Việc công khai mức tiêu thụ năng lượng phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Phù hợp với các thông tin, mức tiêu thụ năng lượng của kiểu loại xe đã được chứng nhận;
- b) Đăng tải thông tin về mức tiêu thụ năng lượng của kiểu loại xe trên trang thông tin điện tử của cơ sở sản xuất, cơ sở kinh doanh xe (nếu có). Thông tin công khai phải được duy trì trong suốt thời gian cơ sở sản xuất, cơ sở kinh doanh xe cung cấp kiểu loại xe ra thị trường.

2. Kiểu loại sản phẩm đã được chứng nhận có các thay đổi không thoả mãn về sản phẩm cùng kiểu loại về mức tiêu thụ năng lượng hoặc các thay đổi làm ảnh hưởng đến mức tiêu thụ năng lượng đã được chứng nhận vượt quá phạm vi cho phép hoặc không đáp ứng được điều kiện mở rộng việc thừa nhận kết quả thử nghiệm khí thải quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng thì phải thực hiện chứng nhận lại kiểu loại xe liên quan tới mức tiêu thụ năng lượng.”

Điều 34. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 19

Sản phẩm triệu hồi theo yêu cầu Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Điều 35. Thay thế cụm từ “Cơ quan chứng nhận” bằng cụm từ “Cục Đăng kiểm Việt Nam” tại Điều 20.

Điều 36. Bổ sung khoản 11 Điều 21

“11. Chịu trách nhiệm về việc lắp đặt pin (ắc quy) đúng kiểu loại với pin (ắc quy) đã đăng ký trong hồ sơ chứng nhận kiểu loại xe đối với trường hợp xe điện mà phải tháo rời pin (ắc quy) để đảm bảo an toàn trong quá trình lưu kho hoặc vận chuyển.”.

Điều 37. Sửa đổi, bổ sung khoản 6, khoản 10 Điều 22

1. Sửa đổi bổ sung khoản 6 Điều 22 như sau:

“6. Kiểm tra theo định kỳ hoặc đột xuất việc đảm bảo chất lượng sản phẩm; kiểm tra sự phù hợp của sản phẩm xuất xưởng tại cơ sở sản xuất.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 22 như sau:

“Tổng hợp kết quả thực hiện công tác chứng nhận và báo cáo cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.”.

Điều 38. Bổ sung Điều 22a

“Điều 22a. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam

1. Xây dựng, quản lý, vận hành phần mềm trực tuyến để quản lý việc chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong sản xuất, lắp ráp và chia sẻ dữ liệu với các cơ quan quản lý có liên quan khi có yêu cầu.

2. Công bố danh sách xe phải triệu hồi và nội dung triệu hồi lên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

3. Phối hợp với cơ sở sản xuất, cơ quan chứng nhận và cơ quan quản lý Công thông tin điện tử của Bộ Xây dựng để xử lý sự cố giao dịch điện tử theo quy định.

4. Công nhận, chỉ định và công khai danh sách các cơ sở thử nghiệm, cơ quan chứng nhận lên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

5. Kiểm tra định kỳ, đột xuất đối với các cơ sở thử nghiệm, cơ quan chứng nhận.”

Điều 39. Thay thế Phụ lục II, Phụ lục IX, Phụ lục X tương ứng bằng Phụ

lục XIX, Phụ lục XX, Phụ lục XXI ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 40. Bãi bỏ khoản 12 Điều 3; Điều 18; khoản 3, khoản 7 Điều 22, Phụ lục XV.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 41. Quy định chuyển tiếp

1. Các cơ sở thử nghiệm, cơ quan chứng nhận trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp tục được thực hiện việc thử nghiệm, kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu theo chức năng, nhiệm vụ được nêu tại Quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Trong vòng 24 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, các cơ sở thử nghiệm, cơ quan chứng nhận này phải được Cục Đăng kiểm Việt Nam công nhận, chỉ định theo quy định của pháp luật.

2. Các Chứng chỉ chất lượng, Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe sản xuất, lắp ráp đã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực có giá trị sử dụng đến hết thời hạn ghi trên chứng chỉ chất lượng.

3. Các hồ sơ được đăng ký kiểm tra nhưng chưa được cấp, Chứng chỉ chất lượng, Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe sản xuất, lắp ráp trước ngày thông tư này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo quy định của Thông tư này.

Điều 42. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025 trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Thay thế cụm từ “Sở Giao thông vận tải” thành “Sở Xây dựng” tại Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục KSTTHC (Văn phòng Chính phủ);
- Các Thứ trưởng;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);

BỘ TRƯỞNG

- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ XD;
- Lưu: VT, KHCNMT&VLXD.

Trần Hồng Minh